

Bản án số: 32/2021/HC-PT

Ngày 25 - 01 - 2021

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành chính.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Lê Thành Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 583/2020/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1042/2020/HC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4195/2020/QĐPT-HC ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị Thanh A (có mặt)

Trú tại: Số 42 đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D

Địa chỉ: Số 06 đường Đ, Phường E, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ F – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D, địa chỉ: Số 06 đường Đ, Phường E, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 04/GUQ-UBND lập ngày 09/01/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Quốc G – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận D; (vắng mặt)

- Ông Phạm Đức H – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận D; (có mặt)

- Bà Ngô Thị I – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận D. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân quận D

Địa chỉ: Số 06 đường Đ, Phường E, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Nguyễn Quốc G – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận D; (vắng mặt)

- Ông Phạm Đức H – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận D (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 06 đường Đ, Phường E, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận D (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 30/GUQ-UBND lập ngày 18/3/2020).

Người kháng cáo: Người bị kiện Chủ tịch UBND quận D.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Bà Nguyễn Thị Thanh A trình bày:

Ba căn nhà số 42, 42A (số cũ là 42/2) và 42B (số cũ 42/4) đường B bao gồm phần hẻm bên hông nhà số 42 đường B (diện tích khoảng 19.3m²) có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị J là chủ sở hữu. Sau đó bà J bán các căn nhà này cho nhiều người. Theo Tờ bán đứt nhà ngày 14/4/1966 có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban hành chánh xã K (K1) thì bà J bán căn nhà số 30H đại lộ L, K1 (nay là số 42 B) cho bà Lê Thị M với diện tích ngang: 3.5m, dài 13m, sân ngang hậu 7.5m (nhà vách tôn, có sân). Năm 1991, vợ chồng bà M và vợ chồng ông N lập văn tự mua bán nhà thể hiện cụ thể diện tích thực tế căn nhà số 42 đường B là ngang trước 4.4m, ngang sau 7.5m, dài 13m. Sau đó, Ủy ban nhân dân quận D cấp Giấy phép mua bán chuyển dịch chủ quyền nhà ngày 16/3/1991 cho các bên, diện tích căn nhà được ghi nhận trong giấy phép là ngang trước 4.4m, ngang sau 6.55m, dài 7,8 m (chênh lệch diện tích so với văn tự mua bán nhà do Ủy ban nhân dân quận D không công nhận phần quy hoạch ống thoát nước của nhà số 42 đường B), đã trừ lộ giới nên chiều dài từ 13m chỉ còn 7.8m. Theo Biên bản xác minh do Phòng Tài nguyên và Môi trường quận D lập ngày 04/11/2015 ghi nhận hiện trạng nhà số 42 đường B có kích thước ngang trước là 3.26m, ngang sau là 6.73m, dài 7.8m. Như vậy, so với các giấy tờ trước đây thì hiện trạng ngang trước và ngang sau nhà số 42 đường B bị thiếu hơn 1m. Do đó, có cơ sở xác định phần hẻm chung là sân,

thuộc chủ quyền của nhà số 42 đường B, Phường C, quận D.

Trong quá trình sử dụng, do nhà số 42A, 42B không có lối đi nên chủ nhà số 42 đường B có chừa một khoảng sân bên hông nhà để làm lối đi chung của 3 nhà số 42, 42A, 42B đường B. Bà P là đời chủ thứ 3 của nhà số 42A có họ hàng với ông O là chủ nhà số 44 đường B nên chủ nhà số 44 đường B có trở cửa tại vị trí sát cửa nhà số 42A để đi nhờ một thời gian (có xác nhận của Bà P).

Đến năm 2001, bà đã mua cả 3 căn nhà số 42, 42A, 42B đường B, Phường C, quận D nên phần hẻm chung này không còn bị hạn chế quyền sử dụng nữa. Vì vậy, bà đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất đối với phần hẻm chung này.

Năm 2019, bà có làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân quận D công nhận phần diện tích 19.3m² (hiện trạng đang là hẻm bên hông nhà 42 B) thuộc quyền sở hữu của bà. Đến ngày 21/8/2019, bà nhận được Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của Ủy ban nhân dân quận D trả lời phần đất 19.3m² không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Việc Ủy ban nhân dân quận D ban hành văn bản trên là hoàn toàn sai trái, không đúng quy định của pháp luật do phần đất này có nguồn gốc của chủ cũ bán cho bà và hiện không bị hạn chế quyền sử dụng nên bà đủ điều kiện được công nhận quyền sở hữu.

Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D trình bày:

Về nguồn gốc: Phần đất bên hông nhà số 42 đường B (theo Bản đồ địa chính lập năm 2002 là đường giao thông):

Theo Họa đồ hiện trạng nhà do Phòng Xây dựng quận D lập ngày 26/11/1988 (căn nhà 42A đường B sử dụng lối đi duy nhất bên hông nhà số 42 đường B ra đường B); Họa đồ hiện trạng nhà lập ngày 12/9/1991 (nhà số 42B đường B) thể hiện phần diện tích bên hông nhà số 42 đường B (theo Bản đồ địa chính lập năm 2002 là đường giao thông) là hẻm.

Theo Hồ sơ kê khai đăng ký nhà đất năm 1999 do bà Vũ Thị Q (chủ cũ của nhà số 42 đường B) đứng tên kê khai và Bản đồ địa chính Phường C lập năm 2002 thể hiện phần diện tích bên hông nhà số 42 đường B là hẻm.

Tại Bản vẽ hiện trạng ngày 12/5/1994 của Phòng Xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 7321/CN-UB ngày 14/4/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố cấp cho ông Mai Chí R đối với căn nhà số 44 đường B thể hiện: Hiện trạng trước đây nhà số 44 B đã có cửa đi mở ra phần hẻm nêu trên.

Như vậy, từ những chứng từ nêu trên xác định phần đất bên hông nhà số 42 đường B là hẻm do Nhà nước quản lý.

Việc Bà Nguyễn Thị Thanh A sử dụng phần đất nêu trên được xác định là

có hành vi lấn, chiếm đất.

- Về quy hoạch: Phần diện tích đất bên hông nhà số 42 đường B (theo Bản đồ địa chính lập năm 2002 là đường giao thông) thuộc quy hoạch lộ giới hẻm được duyệt theo Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 07/7/2010 và được điều chỉnh theo Quyết định số 7644/QĐ-UBND-QLĐT ngày 21/8/2013 của Ủy ban nhân dân quận D (không phù hợp quy hoạch).

- Về việc giải quyết đơn của Bà Nguyễn Thị Thanh A đề nghị công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất bên hông nhà 42 B (theo Bản đồ địa chính lập năm 2002 là đường giao thông):

Theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định việc xử lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014, trong đó: *“Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng sau khi Nhà nước đã công bố, cấm mốc hành lang bảo vệ hoặc lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè sau khi Nhà nước đã công bố chỉ giới xây dựng hoặc lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, công trình công cộng khác thì Nhà nước thu hồi đất để trả lại cho công trình mà không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã lấn, chiếm...”*.

Xét phần đất bên hông nhà số 42 đường B, Phường C có nguồn gốc là hẻm, vị trí phần diện tích đất nêu trên thuộc khu vực không phù hợp quy hoạch (quy hoạch lộ giới hẻm 2m được duyệt theo Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 07/7/2010 và được điều chỉnh theo Quyết định số 7644/QĐ-UBND-QLĐT ngày 21/8/2013 của Ủy ban nhân dân quận D).

Do đó, phần đất nêu trên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Việc Ủy ban nhân dân quận D có Văn bản số 2990/UBND –TNMT ngày 07/8/2019 trả lời Bà A là đúng quy định. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận D trình bày: Ủy ban nhân dân quận D thống nhất với ý kiến và yêu cầu của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1042/2020/HC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào,

Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Bà Nguyễn Thị Thanh A, hủy Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D về việc trả lời đơn của Bà Nguyễn Thị Thanh A đề nghị công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 19.3m² bên hông nhà số 42 đường B, Phường C, quận D.

Buộc Ủy ban nhân dân quận D thực hiện việc cấp giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bà Nguyễn Thị Thanh A đối với phần đất diện tích 19.3m² bên hông nhà số 42 đường B, Phường C, quận D khi Bà Nguyễn Thị Thanh A nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 03/8/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 8704/QĐ-VKS-HC ngày 03/8/2020 kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 05/8/2020, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D có đơn kháng cáo một phần bản án yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh A. Do nguồn gốc bên hông nhà số 42 B, Phường C có nguồn gốc là hẻm, vị trí phần diện tích trên thuộc khu vực không phù hợp quy hoạch. Do đó, phần đất trên không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất theo Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Việc UBND quận D có văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 trả lời Bà A là đúng quy định pháp luật.

Người khởi kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì phần đất này bà đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã thực hiện đúng quy định pháp luật của luật tố tụng hành chính. Về

nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND quận D đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Bà Nguyễn Thị Thanh A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra tại toà, qua kết quả tranh luận, nghe lời phát biểu của các đương sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm người bị kiện kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D trả lời đơn của Bà Nguyễn Thị Thanh A về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng đất là đối tượng khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Về thời hiệu: Ngày 11/9/2019 Bà Nguyễn Thị Thanh A nộp đơn khởi kiện Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D (gọi tắt là văn bản số 2990):

[2.1] Về hình thức của các Quyết định:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D ban hành Văn bản số 2990/UBND-TNMT vào ngày 07/8/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của Bà Nguyễn Thị Thanh A là đúng thẩm quyền theo quy định của Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[2.2] Về nội dung của Quyết định:

Xét nguồn gốc diện tích 19,3m² Bà A đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo họa đồ hiện trạng nhà do phòng Xây dựng quận D lập ngày 26/11/1988 căn nhà 42A B sử dụng lối đi duy nhất bên hông nhà số 42 B ra đường B; Họa đồ hiện trạng nhà lập ngày 12/9/1991 thể hiện phần diện tích bên hông nhà số 42 B là hẻm.

Theo hồ sơ kê khai đăng ký nhà đất năm 1999 do bà Vũ Thị Q chủ cũ của nhà số 42 đứng tên kê khai và Bản đồ địa chính Phường C lập năm 2001 thể hiện phần diện tích bên hông nhà số 42 là hẻm.

Theo Công văn số 7924/VPĐK-KTĐC ngày 30/5/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên – môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xác định vị trí phần diện tích đất nêu trên trước năm 1975 thuộc một phần bằng khoán số 1425, tờ bản đồ số 13, K Xã; Theo tài liệu Bản đồ địa chính pháp lý năm 2004 thuộc một phần đường, tờ bản đồ số 19, Phường C, quận D.

Về quá trình sử dụng năm 2001 Bà Nguyễn Thị Thanh A mua lại 03 căn nhà số 42, 42A, 42B. Căn cứ vào các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH01010 ngày 01/6/2015 của UBND quận D cấp cho Bà Nguyễn Thị Thanh A; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4369/2003 ngày 15/10/2003 của UBND quận D cấp cho ông Phan Văn S và bà Lã Thị Ánh T và cấp GCNQSDĐ số 14337/2001 ngày 24/7/2001 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị U đều thể hiện không công nhận đối với phần đất 19,3m² do nằm trong qui hoạch lộ giới, hẻm.

Căn cứ vào Bản vẽ sơ đồ nhà, đất ngày 05/10/2017 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên – Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện phần đất 19,3m² có hiện trạng là đường.

Căn cứ vào Giấy phép mua bán, dịch chuyển chủ quyền nhà số 529/GP-UB ngày 16/3/1991 của UBND quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lâm Thành V và bà Lưu Thị W đối với căn nhà số 42, UBND quận D cũng chỉ cấp cho ông N chiều dài 7,8m, ngang trước 4,4m, ngang sau 6,55m. Bà Nguyễn Thị Thanh A khi chuyển nhượng căn nhà trên cũng với diện tích như trong giấy phép đã cấp cho ông Lâm Thành V.

Như vậy, phần diện tích bên hông nhà số 42 B, Phường C có nguồn gốc là hẻm, vị trí phần diện tích trên thuộc khu vực không phù hợp quy hoạch (Qui hoạch lộ giới hẻm 2m được duyệt heo Quyết định số 4493/QĐ-UBND ngày 07/7/2010 và được điều chỉnh theo Quyết định số 7644/QĐ-UBND ngày 21/8/2013 của UBND quận D). Do đó, phần đất trên không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất theo Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Việc UBND quận D có văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 trả lời Bà A là đúng quy định.

Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của UBND quận D hủy Văn bản số 2990 là không có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D không phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 8704/QĐ-VKS-HC ngày 03/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D.

Sửa bản án sơ thẩm số 1042/2020/HC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh A về việc yêu cầu hủy Văn bản số 2990/UBND-TNMT ngày 07/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D về việc trả lời đơn của Bà Nguyễn Thị Thanh A đề nghị công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 19.3m² bên hông nhà số 42 đường B, Phường C, quận D.

II. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh A phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0024618 ngày 01/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D không phải chịu án phí được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai 0092385 ngày 20/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (3) 16b (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thanh Duyên

